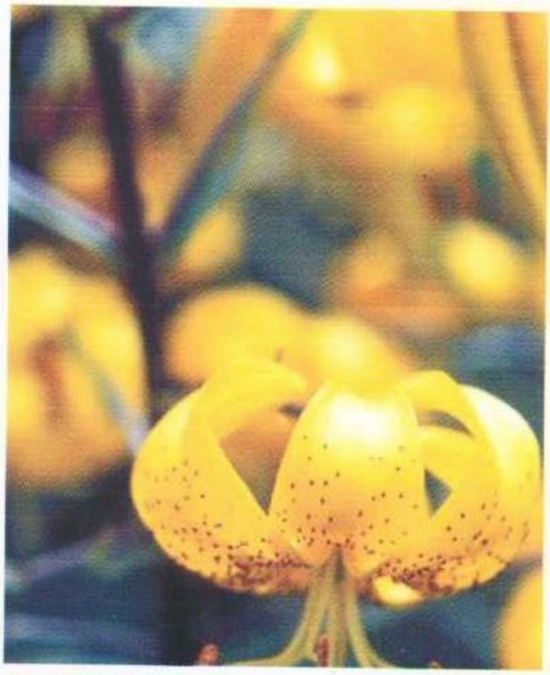
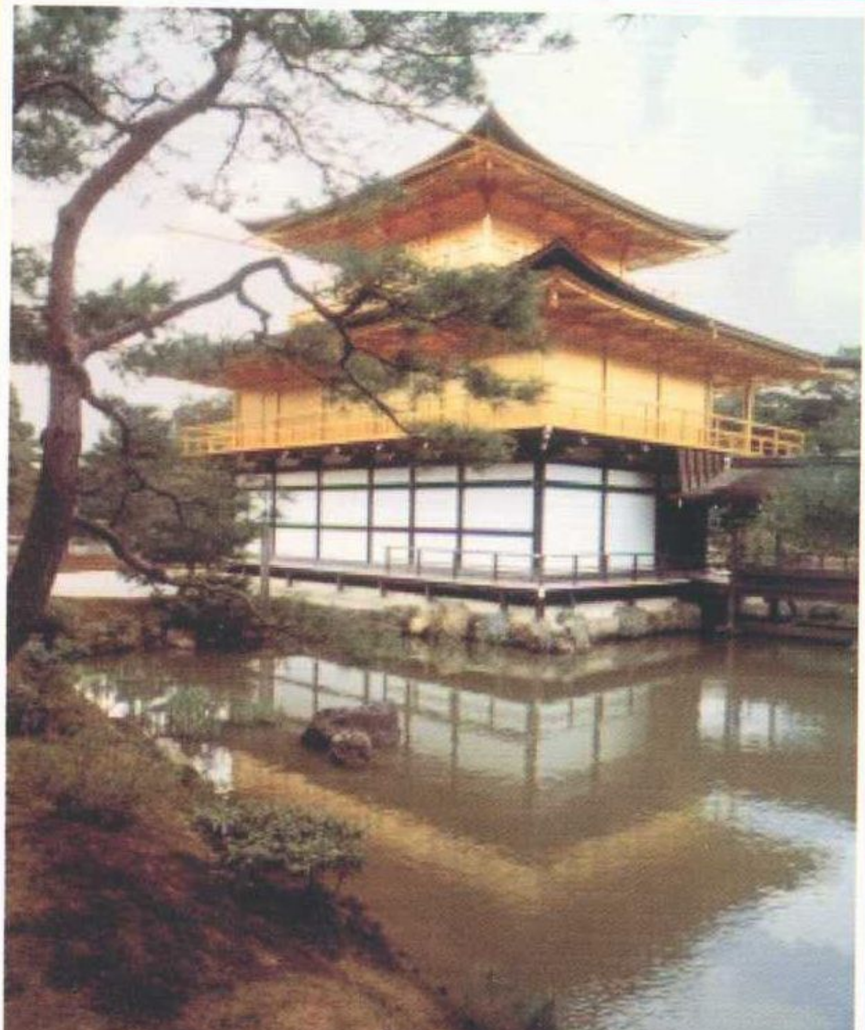
PHẠM TUẤN ANH - THÁI GIANG
NGUYỄN TRỌNG HOÀN

# Học tốt Ngữ văn 6





Tập 2

PHẠM TUẤN ANH - THÁI GIANG - NGUYỄN TRỌNG HOÀN

# *Học tốt*
# Ngữ văn 6

(TẬP HAI)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (04) 39715011; (04) 39724770; Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO
Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Đối tác liên kết xuất bản:
CÔNG TY SÁCH - TBGD ĐỨC TRÍ

SÁCH LIÊN KẾT

HỌC TỐT NGỮ VĂN 6 - TẬP 2

Mã số: 2L - 77ĐH2008
In 3.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại **Xưởng in Quân khu 7**.
Số xuất bản: 509-2009/CXB/06-81/ĐHQGHN,ngày 15/6/2009.
Quyết định xuất bản số: 197 LK/XB
In xong và nộp lưu chiểu quý III/2009.

# LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện chương trình Trung học cơ sở (ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/1/2002 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), môn Ngữ văn được triển khai dạy học theo nguyên tắc tích hợp (văn học, tiếng Việt và làm văn), phát huy tính chủ động tích cực của học sinh.

Nhằm giúp các em học sinh có thêm tài liệu tham khảo để tăng cường khả năng tự học, chúng tôi biên soạn bộ sách *Học tốt Ngữ văn Trung học cơ sở*. Theo đó, cuốn *Học tốt Ngữ văn 6 - tập hai* sẽ được trình bày theo thứ tự tích hợp các phân môn:

- Văn
- Tiếng Việt
- Làm văn

Cách tổ chức mỗi bài trong cuốn sách sẽ gồm hai phần chính:

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG**

Nội dung phần KIẾN THỨC CƠ BẢN với nhiệm vụ củng cố và khắc sâu kiến thức sẽ giúp học sinh tiếp cận với những vấn đề thể loại, giới thiệu những điều nổi bật về tác giả, tác phẩm (với phần văn); giới thiệu một số khái niệm, yêu cầu cần thiết mà học sinh cần nắm để có thể vận dụng được khi thực hành.

Nội dung phần RÈN LUYỆN KĨ NĂNG đưa ra một số hướng dẫn về thao tác thực hành kiến thức (chẳng hạn: tập tóm tắt một văn bản, tập đọc một văn bản theo đặc trưng thể loại; thực hành liên kết trong văn bản; tạo lập văn bản; phân tích đề, lập dàn ý và luyện tập cách làm bài văn biểu cảm...). Mỗi tình huống thực hành trong phần này đặt ra một yêu cầu học sinh phải thông hiểu kiến thức cơ bản của bài học; ngược lại, qua công việc thực hành, kiến thức lí thuyết cũng có thêm một dịp được cũng cố. Vì thế, giữa lí thuyết và thực hành có mối quan hệ vừa nhân quả vừa tương hỗ rất chặt chẽ.

Ngoài các nhiệm vụ trên, ở một mức độ nhất định, nội dung cuốn sách còn hướng tới việc mở rộng và nâng cao kiến thức cho học sinh lớp 6. Điều này thể hiện qua cách tổ chức kiến thức trong từng bài, cách hướng dẫn thực hành cũng như giới thiệu các ví dụ, các bài viết tham khảo.

Cuốn sách chắc sẽ còn những khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp để có thể nâng cao chất lượng trong những lần in sau.

Xin chân thành cảm ơn.

**NHÓM BIÊN SOẠN**

# BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Tô Hoài)

## I. VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

### 1. Thể loại

Truyện là một "phương thức tái hiện đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó. Tác phẩm truyện (tự sự) phản ánh hiện thực qua bức tranh mở rộng của đời sống trong không gian, thời gian; qua các sự kiện, biến cố xảy ra trong cuộc đời của con người. Trong các tác phẩm tự sự, nhà văn cũng thể hiện tư tưởng và tình cảm của mình; nhưng ở đây, tư tưởng, tình cảm của nhà văn thâm nhập sâu sắc vào sự kiện và hành động bên ngoài của con người tới mức giã chúng dường như không có sự phân biệt nào cả. Nhà văn kể lại, tả lại những gì xảy ra bên ngoài mình, khiến cho người đọc có cảm giác rằng hiện thực được phản ánh trong tác phẩm tự sự là một thế giới tạo hình đang tự phát triển, tồn tại bên ngoài nhà văn, không phụ thuộc vào tình cảm, ý muốn của nhà văn" (Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi: *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 1992).

Các bài học: *Bài học đường đời đầu tiên* (trích trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài), *Sông nước Cà Mau* (trích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi), *Bức tranh của em gái tôi* (của Tạ Duy Anh), *Vượt thác* (trích *Quê nội* của Võ Quảng), *Buổi học cuối cùng* (của An-phông-xơ Đô-đê) thuộc thể loại truyện hiện đại.

### 2. Tác giả

Nhà văn Tô Hoài (tên khai sinh là Nguyễn Sen), sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920 tại thị trấn Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội; quê quán: thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Tô Hoài tham gia cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám (1945) trong Hội ái hữu công nhân, Hội Văn hoá Cứu quốc. Từ 1945 - 1958 ông làm phóng viên rồi Chủ nhiệm báo Cứu quốc Việt Bắc. Từ 1957 - 1958: Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam. Từ 1958 - 1980: Phó Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam. Từ 1986 - 1996: Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản: 150 tác phẩm trong đó nổi bật là *Dế Mèn phiêu lưu kí* (truyện dài, 1942, tái bản nhiều lần); *Quê người* (tiểu thuyết 1943, tái bản nhiều lần). *Truyện Tây Bắc* (tiểu thuyết, 1954, tái bản nhiều lần); *Miền Tây* (tiểu thuyết 1960, tái bản nhiều lần); *Tự truyện* (hồi ký, 1965, tái bản nhiều lần); *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1970); *Cát bụi chân ai* (hồi ký, 1965, tái bản nhiều lần); *Tuyển tập Tô Hoài* (3 tập, 1993). *Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài* (trước và sau 1945, ba tập, 1994); *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi* (hai tập, 1994).

Nhà văn đã được nhận: Giải nhất tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1956 (tiểu thuyết *Truyện Tây Bắc*). Giải A Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*); Giải thưởng của Hội Nhà văn Á - Phi năm 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*); Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt I - 1996).

## II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* thể hiện tài quan sát và miêu tả tinh tế của nhà văn Tô Hoài. Truyện được kể ở ngôi thứ nhất (lời nhân vật Dế Mèn) biến hoá sinh động và hấp dẫn người đọc.

Bài văn này có thể chia làm ba đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến ... "có thể sắp đứng đầu trong thiên hạ". Đoạn này miêu tả vẻ đẹp cường tráng nhưng tính cách còn kiêu căng của Dế Mèn.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến ... "mang vạ vào mình đấy": Mèn trêu chị Cốc và gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt.

+ Đoạn 3: Còn lại: sự ân hận của Dế Mèn.

2. Dế Mèn có một ngoại hình cường tráng. Với đôi càng mẫm bóng, những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt, đôi cánh... bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi, lại thêm đầu... to ra và nổi từng tảng rất bướng, hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc..., Dế Mèn thật ra dáng con nhà võ. Oai phong hơn, Dế Mèn còn có sợi râu... dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Dương dương tự đắc, chú ta đi đứng oai vệ, luôn tranh thủ mọi cơ hội để thể hiện mình. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, chú ta "co cẳng lên đạp phanh phách vào các ngọn cỏ" hay chốc chốc lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu. Tự cho mình là nhất, chú không ngần ngại cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm (quát các chị Cào Cào, đá anh Gọng Vó,...).

Tác giả vừa miêu tả ngoại hình vừa miêu tả hành động để bộc lộ tính cách của Dế Mèn: kiêu căng, xốc nổi, điệu đàng, hung hăng và ngộ nhận. Trong đoạn văn, các tính từ miêu tả hình dáng (cường tráng, mẫm bóng, nhọn hoắt, hủn hoẳn, giòn giã, bóng mỡ, đen nhánh, ngoàm ngoạp...); tính từ miêu tả tính cách (bướng, hãnh diện, trịnh trọng, khoan thai oai vệ, tợn, giỏi, ghê gớm...) được thể hiện đặc sắc. Nếu thay thế một số từ của tác giả bằng các từ đồng nghĩa (hoặc gần nghĩa) như đôi càng mẫm bóng bằng đôi càng mập bóng, đôi càng to bóng..., ngắn hủn hoẳn bằng ngắn củn, ngắn tủn, ngắn cũn cỡn..., đi đứng oai vệ bằng đi đứng chững chạc, đi đứng đàng hoàng, đi đứng oai lắm... sự diễn đạt sẽ thiếu chính xác và thiếu tinh tế.

3. Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt là kẻ cả, trịch thượng (qua cách đặt tên là Dế Choắt, ví von so sánh như gã nghiện thuốc phiện, xưng hô chú mày,

tính tình khinh khỉnh, giọng điệu bề trên, dạy dỗ). Không những thế, Dế Mèn còn tỏ ra ích kỉ, không cho Dế Choắt thông ngách sang nhà, lại còn mắng "Đào tổ nông thì cho chết".

4. Khi trêu chị Cốc, Dế Mèn thật hung hăng, kiêu ngạo: "Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!". Thậm chí, hát trêu xong, Dế Mèn vẫn tự đắc, thách thức: "Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!". Nhưng khi chứng kiến chị Cốc đánh Choắt, Dế Mèn khiếp hãi "nằm im thin thít". Biết chắc chị Cốc đi rồi, mới dám "mon men bò lên". Từ hung hăng, kiêu ngạo, Dế Mèn trở nên sợ hãi, hèn nhát.

Bài học đường đời đầu tiên Dế Mèn rút ra chính là sự trả giá cho những hành động ngông cuồng thiếu suy nghĩ. Bài học ấy thể hiện qua lời khuyên chân tình của Dế Choắt: "ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy". Đó cũng là bài học cho chính con người.

5. Các con vật được miêu tả trong truyện ngoài những đặc điểm vốn có của chúng trong thực tế, chúng còn được nhà văn gắn thêm cho những phẩm chất của con người (đặc biệt là về tính cách). Những sự việc xảy ra trong truyện giữa các con vật với nhau thực ra chính là chuyện trong thế giới con người. Các truyện cổ tích về loài vật, các truyện ngụ ngôn (của Ê-Đốp, La-Phông-Ten,...), truyện *Cuộc phiêu lưu của Gulliver*,...là những truyện có cách viết giống như *Dế Mèn phiêu lưu kí*.

## III. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

### 1. Tóm tắt

Chàng thanh niên Dế Mèn cường tráng, khoẻ mạnh nhưng kiêu căng tự phụ về vẻ đẹp và sức mạnh của mình, hay xem thường và bắt nạt mọi người. Một lần, Mèn bày trò trêu chọc Cốc để khoe khoang trước anh hàng xóm Dế Choắt, dẫn đến cái chết thảm thương của người bạn xấu số ấy. Cái chết của Choắt làm Mèn vô cùng hối hận, ăn năn về thói hung hăng bậy bạ của mình.

### 2. Cách đọc

Khác với các truyện dân gian hoặc truyện trung đại, Dế Mèn phiêu lưu kí có cách viết hiện đại với các tình tiết phong phú, phức tạp, các nhân vật được miêu tả kĩ lưỡng với các chi tiết về ngoại hình, hành động, đặc điểm tâm lí... Đọc diễn cảm đoạn văn này cần chú ý giọng điệu, thái độ của tác giả khi miêu tả, diễn biến tâm lí của các nhân vật:

a) Đọc đoạn thứ nhất cần lên giọng để vừa thể hiện được vẻ đẹp cường tráng đồng thời diễn tả được thái độ tự phụ, huênh hoang của Dế Mèn.

b) Đọc đoạn thứ hai chú ý giọng đối thoại phù hợp với diễn biến tâm lí của

*Gợi ý*: Các cụm từ có phó từ: **đã** *đến*; **không còn** *ngửi thấy*; **đã** *cởi bỏ hết*; **đều** *lấm tấm màu xanh*; **đương** *trổ lá* **lại sắp** *buông toả* **ra**; **cũng sắp** *có nụ*; **đã** *về*; **cũng sắp** *về*; **đã** *xâu* **được** *sợi chỉ*.

b) Nhận xét về ý nghĩa mà các phó từ trong những câu trên bổ sung cho động từ và tính từ.

*Gợi ý*:

- Xem gợi ý trong mục (I.2.d);

- Lưu ý thêm các phó từ:

+ **không còn**: phủ định sự tiếp diễn tương tự (*không*: chỉ sự phủ định; *còn*: chỉ sự tiếp diễn tương tự);

+ **đều**: chỉ sự tiếp diễn tương tự;

+ **đương** (đang), **sắp**: chỉ quan hệ thời gian;

+ **cũng sắp**: chỉ sự tiếp diễn tương tự trong tương lai gần (*cũng*: chỉ sự tiếp diễn tương tự; *sắp*: chỉ quan hệ thời gian - tương lai gần)

2. Viết một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 5 câu) hãy thuật lại sự việc Dế Mèn trêu chị Cốc. Chỉ ra ít nhất một phó từ đã được dùng trong đoạn văn ấy và cho biết em đã dùng nó để làm gì.

*Gợi ý*: Chú ý đến diễn đạt, không gò ép khi sử dụng phó từ; xem lại bảng phân loại để nắm chắc nghĩa của từng loại phó từ.

Tham khảo đoạn văn và cách phân tích sau:

*Vốn tính nghịch ranh,* ***vừa*** *nhìn thấy chị Cốc, Dế Mèn* ***đã*** *nghĩ* ***ngay*** *ra mưu trêu chị. Bị chọc giận chị Cốc bèn giáng* ***ngay*** *tai hoạ lên đầu Dế Choắt bởi lúc này, Choắt ta* ***vẫn đang*** *loay hoay ở* ***phía cửa hang****. Sự việc diễn ra* ***bất ngờ*** *và nhanh* ***quá****, Choắt trở tay* ***không kịp****, thế là đành thế mạng cho trò nghịch tai quái của Mèn.*

- Các phó từ trong đoạn văn là những từ in đậm.

- Tác dụng của các phó từ:

+ Các từ *vừa, ngay, đã, vẫn đang*: chỉ quan hệ thời gian.

+ Cụm từ *ở ngay phía cửa hang*: chỉ hướng.

+ Các từ *bất ngờ, quá*: chỉ mức độ.

+ Từ *không kịp*: chỉ khả năng.

# TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN MIÊU TẢ

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Em phải làm gì trong các tình huống sau:

(1) Trên đường đi học, em gặp một người khách hỏi thăm đường về nhà em. Đang phải đến trường nên em không thể đưa người khách đó về nhà được, em làm thế nào để người đó có thể nhận ra nhà em để tự tìm đến.

(2) Em cùng mẹ đi đến cửa hàng mua áo; trước rất nhiều chiếc áo khác nhau, nhiều màu nhiều kiểu dáng, lại treo tận trên cao, làm thế nào để người bán hàng lấy đúng chiếc áo mà em định mua?

(3) Một học sinh lớp 3 hỏi em: Người lực sĩ là người thế nào? Em phải làm gì để em học sinh ấy hình dung ra được một cách cụ thể hình ảnh của người lực sĩ?

*Gợi ý*: Trong cả ba tình huống trên, cần sử dụng miêu tả để giúp người giao tiếp với mình có thể hình dung được đối tượng được nói tới. Chúng ta có thể gặp rất nhiều những tình huống tương tự như thế này trong thực tế.

2. Tìm trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* hai đoạn văn miêu tả Dế Mèn và Dế Choắt.

*Gợi ý*: Hai đoạn văn miêu tả Dế Mèn và Dế Choắt:

(1) Từ đầu cho đến "đưa cả hai chân lên vuốt râu."

(2) Từ "Cái chàng Dế Choắt" cho đến "nhiều ngách như hang tôi."

3. Tác giả miêu tả Dế Mèn và Dế Choắt để làm gì?

*Gợi ý*: Tác giả miêu tả để giúp người đọc hình dung ra được hình ảnh của hai chú dế một cách cụ thể, chân thực; khắc hoạ đậm nét đặc điểm tính cách khác biệt của hai nhân vật này. Dế Mèn khoẻ mạnh, cường tráng, mạnh mẽ và có vẻ kiêu ngạo. Dế Choắt thì ốm yếu, xấu mã, tính tình chậm chạp, nhút nhát.

4. Kể ra những chi tiết giúp em hình dung ra hình ảnh Dế Mèn và Dế Choắt trong hai đoạn văn trên.

*Gợi ý*:

- Dế Mèn: một chàng dế thanh niên cường tráng; đôi càng mẫm bóng; những cái vuốt ở chân, ở kheo nhọn hoắt, sắc như dao; đôi cánh dài kín tận chấm đuôi; người màu nâu bóng; đầu to, nổi từng tảng; răng đen nhánh, lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp; râu dài uốn cong...

- Dế Choắt: thân hình gầy gò, dài lêu nghêu; cánh ngắn củn đến sống lưng; đôi càng bè bè, nặng nề; râu cụt một mẩu; mặt lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ; tính nết ăn xổi ở thì (qua đánh giá của Dế Mèn)...

*vững niềm tin* (thơ, 1954), *Trần Văn Ơn* (truyện kí, 1955), *Cá bống mú* (truyện, 1956), *Ngọn tầm vông* (truyện kí, 1956), *Đất rừng phương Nam* (truyện, 1957), *Hoa hướng dương* (truyện ngắn, 1960), *Cuộc truy tìm kho vũ khí* (truyện, 1962), *Những chuyện lạ về cá* (biên khảo, 1981), *Tê giác giữa ngàn xanh* (biên khảo, 1982).

## II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Bài văn miêu tả sông nước vùng Cà Mau ở cực nam của Tổ quốc.

Trình tự miêu tả thể hiện trong bài văn là: bắt đầu từ cảm tưởng chung, thông qua sự quan sát thiên nhiên Cà Mau - tác giả đi đến những nét đặc tả kênh rạch, sông ngòi và nét độc đáo của cảnh chợ Năm Căn họp trên mặt nước.

Theo trình tự miêu tả như trên, có thể thấy bố cục của bài văn gồm ba đoạn:

- Đoạn 1 (Từ đầu đến "lặng lẽ một màu xanh đơn điệu"): Cảm tưởng chung về thiên nhiên Cà Mau.

- Đoạn 2 (Tiếp theo đến "khói sóng ban mai"): Đặc tả kênh, rạch Cà Mau và con sông Năm Căn rộng lớn.

- Đoạn 3 (Còn lại): Đặc tả cảnh chợ Năm Căn.

Đọc bài văn, có thể hình dung vị trí của người miêu tả là ngôi thứ nhất "tôi" (ngồi trên thuyền) - tức người chứng kiến và cảm nhận quang cảnh sông nước Cà Mau. Vị trí ấy rất thuận lợi cho việc quan sát và miêu tả vì những hình ảnh và suy nghĩ được thể hiện trực tiếp bằng con mắt của "người trong cuộc". Với vị trí quan sát của người trên thuyền, các hình ảnh miêu tả được hiện ra trong bài văn như một cuốn phim thật sinh động: nhiều màu sắc, cảnh trí đan cài và giàu cảm xúc.

2. Trong đoạn văn (từ đầu đến "lặng lẽ một màu xanh đơn điệu") tác giả đã diễn tả ấn tượng ban đầu bao trùm về vùng sông nước Cà Mau. ấn tượng ấy là ấn tượng choáng ngợp (thể hiện qua các từ ngữ có tính cường điệu: kênh rạch càng bủa giăng chi chít, trên thì... dưới thì... chung quanh... cũng chỉ...). ấn tượng ấy được cảm nhận qua thị giác, thính giác và vị giác - đặc biệt là cảm giác đơn điệu về màu xanh và ...tiếng rì rào bất tận... của rừng, của sóng. ấn tượng ấy được thể hiện qua các câu văn dài ngắn xen kẽ, biến hoá linh hoạt: vừa tả vừa kể, tạo ra một mạch văn trữ tình lôi cuốn.

3. Qua đoạn văn tác giả nói về cách đặt tên cho các vùng đất, con kênh ở vùng Cà Mau cho thấy: các địa danh ở đây được đặt tên rất giản dị, gần gũi với thiên nhiên. Cách đặt tên như thế cũng thể hiện đặc điểm của thiên nhiên vùng Cà Mau.

4. Trong đoạn văn từ "Thuyền chúng tôi chèo thoát qua đến sương mù và khói sóng ban mai":

+ Những chi tiết thể hiện sự rộng lớn, hùng vĩ của dòng sông và rừng đước:

- Nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác

- Con sông rộng hơn ngàn thước

- Cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.

+ Trong câu "Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn" có các động từ: thoát qua, đổ ra, xuôi về chỉ cùng một hoạt động của con thuyền.

Nếu thay đổi trình tự những động từ ấy trong câu thì sẽ không thể hiện được các trạng thái hoạt động rất phong phú của con thuyền trong các hoàn cảnh khác nhau.

Trong câu này, tác giả sử dụng từ ngữ rất chính xác và tinh tế, bởi vì:

- thoát qua: diễn đạt sự khó khăn mà con thuyền vừa phải vượt.

- đổ ra: chỉ trạng thái con thuyền từ sông nhỏ đến với dòng sông lớn,

- xuôi về: diễn tả trạng thái nhẹ nhàng của con thuyền xuôi theo dòng nước.

+ Những từ miêu tả màu sắc của rừng đước: màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ. Qua những từ đó, vừa thấy được khả năng quan sát và phân biệt các sắc độ của tác giả rất tinh tế, đồng thời cũng thấy được sự phát triển mạnh mẽ không ngừng của loài đước.

5. Trong bài văn, sự tấp nập, đông vui, trù phú và độc đáo của chợ vùng Cà Mau được thể hiện qua những chi tiết, hình ảnh đặc sắc của cảnh chợ Năm Căn:

- Sự tấp nập, đông vui, trù phú: túp lều lá thô sơ, những ngôi nhà gạch hai tầng, những đống gỗ cao như núi, những cột đáy, thuyền chài, thuyền lưới, những bến vận hà nhộn nhịp, những lò than hầm gỗ, những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng-sông chiếu rực,...

- Sự độc đáo của chợ Năm Căn: chợ họp ngay trên sông, chỉ cần cập thuyền lại với nhau là có thể mua bán đủ thứ tiêu dùng và ẩm thực. Đây còn là nơi hội tụ đông vui của những người bán vải, bán rượu đến từ nhiều vùng, có nhiều giọng nói, trang phục khác nhau...

6. Qua cách miêu tả từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể, tả xen kẽ... cùng với việc sử dụng các từ ngữ gợi cảm tinh tế của tác giả, có thể cảm nhận được vẻ đẹp trù phú của vùng sông nước Cà Mau. Đó là một nơi có khung cảnh thiên nhiên hoang dã và hùng vĩ - nơi có những dòng sông rộng lớn và rừng đước bạt ngàn; đồng thời đó cũng là nơi có cảnh chợ Năm Căn đặc sắc, tấp nập đông vui.

## III. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

### 1. Tóm tắt

Bài văn miêu tả cảnh quan thiên nhiên, sông nước vùng Cà Mau, mảnh đất

tận cùng phía nam của Tổ quốc. Cảnh thiên nhiên ở đây thật rộng lớn, hoang dã và hùng vĩ, đặt biệt là những dòng sông và rừng đước. Cảnh chợ Năm Căn là hình ảnh trù phú, độc đáo, tấp nập về sinh hoạt của con người ở vùng đất ấy.

**2. Cách đọc**

Đoạn văn được viết chủ yếu theo lối miêu tả (tả cảnh, tả người, tả cảnh sinh hoạt). Những đoạn tả cảnh vật cần đọc chậm rãi. Hãy hình dung mình đang ngồi trên con thuyền của tác giả, chầm chậm lướt qua các kênh, rạch, những cảnh vật ở hai bên bờ sông. Đoạn tả cảnh chợ Năm Căn tấp nập, đông vui có thể đọc nhanh hơn, diễn tả không khí sôi động với những âm thanh náo nức, những màu sắc sặc sỡ ở nơi này.

3. Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về vùng Cà Mau qua bài *Sông nước Cà Mau* đã học.

*Gợi ý*: Tham khảo đoạn văn sau.

*Dưới ngòi bút tài tình của nhà văn Đoàn Giỏi, cả vùng Cà Mau hiện lên thật là sinh động. Cảnh vật biến hoá, màu sắc biến hoá. Những dòng sông, kênh, rạch, rừng đước và cả khu chợ Năm Căn nữa hiện lên vừa hùng vĩ, hoang sơ, vừa dạt dào sức sống, cảnh xa lạ mà vẫn gợi bao yêu mến, nhớ thương. Thiên nhiên Cà Mau bao la, hào phóng; con người Cà Mau mộc mạc, hồn hậu, dễ thương. Đọc những trang văn của Đoàn Giỏi, ta có cảm giác như đang đi giữa sông nước Cà Mau, tận hưởng hương rừng Cà Mau, đến chơi chợ Năm Căn, dừng lại, bước lên những ngôi nhà bè xem và mua một vài món quà lưu niệm. Ôi! Cái cảm giác được chu du giữa cả một miền sông nước như thế mới thú vị biết bao.*

4. Kể tên một vài con sông ở quê hương em hoặc địa phương mà em đang ở, giới thiệu vắn tắt về một trong những con sông ấy.

*Gợi ý*:

- Tuỳ từng miền địa lí, học sinh tự kể những con sông của quê mình.
- Khi viết đoạn giới thiệu về một con sông, cần chú ý chỉ ra những nét đặc trưng riêng của con sông quê mình (cảnh vật, những sinh hoạt thường nhật trên sông,...).

# SO SÁNH

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. So sánh là gì?

a) Hình ảnh so sánh được thể hiện bằng những từ ngữ nào trong các câu sau:

Theo trình tự trên, có thể chia bố cục của bài văn như sau:

- Đoạn 1: Từ đầu đến "Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước".
- Đoạn 2: Từ "Đến Phường Rạnh" đến "thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò".
- Đoạn 3: Còn lại.

2. Cảnh dòng sông và hai bên bờ qua sự miêu tả ở trong bài đã đổi thay theo hành trình của con thuyền ngược dòng, theo trật tự không gian. Vị trí quan sát để miêu tả của người kể chuyện trong bài: trên con thuyền nhìn dòng sông và cảnh sắc đôi bờ. Vị trí ấy thích hợp với việc miêu tả cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người một cách linh hoạt.

Chẳng hạn:

- Tả cảnh sông ở vùng đồng bằng thì êm đềm, thơ mộng, thuyền rẽ sóng lướt bon bon, tầm nhìn mở ra phóng khoáng: chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít";
- Tả cảnh sắp đến đoạn nguy hiểm có nhiều thác ghềnh thì kéo đối tượng vào cận cảnh: Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt;
- Đến đoạn sông có thác dữ thì đặc tả: Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn.

3. Cảnh con thuyền vượt thác được miêu tả qua các yếu tố:

- Tinh thần chuẩn bị của con người: nấu cơm ăn để được chắc bụng, ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng;
- Dòng nước hung hãn: nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn.

Trong khung cảnh đó, hình ảnh dượng Hương Thư được miêu tả nổi bật:

- Ngoại hình gân guốc, chắc khoẻ: đánh trần, như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa;
- Động tác mạnh mẽ, dứt khoát: co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng "soạc" rất mạnh, ghì chặt đầu sào, lấy thế trụ lại.

Miêu tả dượng Hương Thư đối đầu với thác dữ, tác giả đã dùng các cách so sánh:

- Dùng thành ngữ dân gian, so sánh ngang bằng: động tác thả sào và rút sào nhanh như cắt; hình ảnh con người như một pho tượng đồng đúc;
- Dùng hình ảnh cường điệu: dượng Hương Thư "giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ" gợi sự liên tưởng với những hình ảnh huyền thoại anh hùng xưa với tầm vóc và sức mạnh phi thường của những Đam San, Xinh Nhã bằng xương, bằng thịt đang hiển hiện trước mắt người đọc, nhằm khắc hoạ nổi bật và tôn vinh sức mạnh của con người nhằm chế ngự thiên nhiên. Ngoài ra, cách so sánh này còn đối lập mạnh mẽ với một hình ảnh "dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẻ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ" - qua đó tác giả khẳng định một phẩm chất đáng quí của người lao động: khiêm tốn, nhu mì đến nhút nhát trong cuộc đời thường, nhưng lại dũng mãnh, nhanh nhẹn,

quyết liệt trong công việc, trong khó khăn, thử thách.

4*. Ở đoạn đầu và đoạn cuối của bài có hai hình ảnh miêu tả những cây cổ thụ trên bờ sông. Đó là các hình ảnh:

- *Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.*

- *Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.*

Với câu trước, tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá hình ảnh chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước (chuyển nghĩa theo biện pháp ẩn dụ): thiên nhiên như cùng có tâm trạng lo lắng trước thử thách mà những người trên thuyền sắp phải đương đầu.

Với câu sau, tác giả sử dụng biện pháp so sánh hình ảnh những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp như những cụ già vung tay hô đám con cháu (chuyển nghĩa theo cơ chế hoán dụ): thiên nhiên như cũng phấn khích trước niềm vui chinh phục và chiến thắng những thử thách cam go để tiến về phía trước.

5. Một số cảm nhận về thiên nhiên và con người lao động được miêu tả trong bài văn:

Bài văn miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, đoạn từ trước địa phận Phường Rạnh đến Trung Phước. Bằng các biện pháp nghệ thuật tả cảnh, tả người thông qua các hình ảnh nhân hoá và so sánh, tác giả làm nổi bật vẻ đẹp quả cảm của con người trên khung cảnh thiên nhiên vừa thơ mộng vừa dữ dội; đồng thời ca ngợi phẩm chất của con người lao động Việt Nam dũng cảm mà khiêm nhường, giản dị.

## III. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

### 1. Tóm tắt

Bài văn miêu tả dòng sông Thu Bồn và cảnh quan hai bên bờ sông theo hành trình của con thuyền qua những vùng địa hình khác nhau: đoạn sông phẳng lặng trước khi đến chân thác, đoạn sông có nhiều thác dữ và đoạn sông đã qua thác dữ. Bằng việc tập trung vào cảnh vượt thác, tác giả làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của nhân vật dượng Hương Thư trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.

### 2. Cách đọc

Khi đọc đoạn văn, cần nhấn giọng ở những chi tiết diễn tả cảnh quan thiên nhiên trên sông và hai bờ dọc chuyến đi, từ vùng đồng bằng vượt thác ghềnh qua vùng núi - mà trung tâm của bức tranh là hình ảnh con người trong cuộc đối mặt với những thử thách của thiên nhiên.

3. Hai bài *Sông nước Cà Mau* và *Vượt thác* tuy đều miêu tả cảnh sông nước nhưng phong cảnh thiên nhiên ở mỗi bài lại có những nét riêng và nghệ thuật

miêu ất của mỗi nhà văn cũng vậy.

*Cảnh Sông nước Cà Mau* có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, gợi về cái sức sống đầy hoang dã. Cảnh sông ngòi chằng chịt và cảnh chợ nổi Năm Căn tấp nập, trù phú cũng là những nét riêng về phong cảnh trong tác phẩm này. Những trang văn *Sông nước Cà Mau* cho thấy bút pháp miêu tả đặc sắc của nhà văn Đoàn Giỏi. Cảnh vật, con người và cuộc sống biến ảo không ngừng. Nó hiện lên vừa cụ thể lại vừa bao quát dưới ngòi bút của nhà văn.

*Vượt thác* lại tập trung miêu tả vẻ đẹp hũng dũng của người lao động trên nền cảnh thiên nhiên hoành tráng và hùng vĩ. Giọng văn trong sáng, tươi đẹp lúc thì mạnh mẽ hào hùng, lúc thì hồn nhiên thơ mộng.

# SO SÁNH

(Tiếp theo)

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Các kiểu so sánh

a) Tìm những hình ảnh so sánh trong đoạn thơ sau:

*Những ngôi sao thức ngoài kia*
*Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con*
*Đêm nay con ngủ giấc tròn*
*Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.*

(Trần Quốc Minh)

*Gợi ý*: Những ngôi sao thức - chẳng bằng - mẹ đã thức ...; Mẹ - là - ngọn gió...

b) Nhận xét về nghĩa của các từ chỉ ý so sánh (*chẳng bằng*, *là*) trong đoạn thơ trên.

*Gợi ý*:

- chẳng bằng: chênh lệch, không ngang bằng;
- là: ngang bằng.

c) Đặt các từ ngữ của những phép so sánh trong đoạn thơ trên vào bảng sau.

| **Vế A** (cái được so sánh) | **Phương diện so sánh** | **Từ chỉ ý so sánh** | | **Vế B** (cái dùng để so sánh - cái so sánh) |
|---|---|---|---|---|
| | | **ngang bằng** | **không ngang bằng** | |
| ... | ... | ... | | ... |
| ... | ... | | ... | ... |

d) Tìm thêm các từ chỉ ý so sánh ngang bằng và không ngang bằng. Đặt câu với một từ chỉ ý so sánh ngang bằng, một từ chỉ ý so sánh không ngang bằng vừa tìm được.

*Gợi ý*: như, như thể, tựa như, hệt như; hơn, hơn là, kém, khác,...

Có thể đặt câu:

- Nó vui sướng hệt như khi được điểm 10.
- Bằng tuổi nhau nhưng nó học kém tôi 1 lớp.

2. Tác dụng của so sánh

a) Đọc đoạn văn dưới đây và tìm các hình ảnh so sánh:

*Mỗi chiếc lá rụng có một linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho chậm tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng, như thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả một thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.*

(Khái Hưng)

*Gợi ý*:

- *Có chiếc* **tựa** *mũi tên nhọn, tự cành cây rơi cắm phập xuống đất* **như** *cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng, thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ*
- *Có chiếc lá* **như** *con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên*
- *Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, múa may với làn gió thoảng,* **như** *thầm bảo rằng sự đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại...*
- *Có chiếc lá* **như** *sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi* **như** *gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành*

b) Những phép so sánh vừa tìm được trong đoạn văn trên có tác dụng gì đối với việc miêu tả sự vật, sự việc?

*Gợi ý*: Phép so sánh giúp cho người đọc hình dung những chiếc lá rụng một cách cụ thể, sinh động, với nhiều dáng vẻ khác nhau.

c) Những phép so sánh vừa tìm được trong đoạn văn trên có tác dụng g trong việc thể hiện tình cảm, suy nghĩ của tác giả?

*Gợi ý*: Bằng phép so sánh, người viết thể hiện được những cảm nhận tinh t của mình trước sự *rụng* của những chiếc lá, qua đó bộc lộ những suy nghĩ sâu sắc về sự sống, sinh tồn và cái chết, sự tiêu vong,...

## II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

1. Tìm các phép so sánh trong những khổ thơ dưới đây. Kẻ bảng như ở mục I.1-c và đặt các từ ngữ trong phép so sánh vừa tìm được vào những vị tr thích hợp.

(1)
*Quê hương tôi có con sông xanh biếc*
*Nước gương trong soi tóc những hàng tre*
*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè*
*Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng.*

(Tế Hanh)

(2)
*Con đi trăm núi ngàn khe*
*Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm*
*Con đi đánh giặc mười năm*
*Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.*

(Tố Hữu)

(3)
*Anh đội viên mơ màng*
*Như nằm trong giấc mộng*
*Bóng Bác cao lồng lộng*
*Ấm hơn ngọn lửa hồng.*

(Minh Huệ)

*Gợi ý*:

| Vế A (cái được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ chỉ ý so sánh | | Vế B (cái dùng để so sánh - cái so sánh) |
|---|---|---|---|---|
| | | ngang bằng | không ngang bằng | |
| Tâm hồn tôi | | là | | một buổi trưa hè |
| Con đi trăm núi ngàn khe | | | chưa bằng | muôn nỗi tái tê lòng bầm |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ... | | | chưa bằng | ... |
| ... | | như | | ... |
| ... | | | ấm hơn | ... |

Phân tích tác dụng gợi hình, gợi cảm của một phép so sánh mà em thích trong số các phép so sánh trên.

*Gợi ý*: Tham khảo:

"Một lòng thương yêu thật đằm thắm, dịu dàng, tế nhị. Không phải là lòng thương chung, chung chung, mà lòng thương toả ấm tới "Từng người, từng người một" cụ thể. Trước tình thương ấy, anh đội viên đắm chìm trong một cảm giác hạnh phúc:

*Anh đội viên mơ màng*
*Như nằm trong giấc mộng*
*Bóng Bác cao lồng lộng*
*Ấm hơn ngọn lửa hồng.*

Từ thực tế đến mơ màng rồi đến giấc mộng, và hình ảnh Bác trong tâm hồn ấy đúng là sưởi ấm hơn ngọn lửa hồng, bởi nó sưởi ấm tự bên trong."

(Trần Đình Sử, *Đọc văn học văn*, NXB GD, 2001)

2. Những câu văn nào trong bài *Vượt thác* có sử dụng phép so sánh. Em thích hình ảnh so sánh nào? Vì sao?

*Gợi ý*:

- Những câu văn có sử dụng phép so sánh:

+ Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt.

+ Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.

+ Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước.

- Trong các hình ảnh so sánh nêu trên, hình ảnh so sánh dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc,...là một hình ảnh so sánh đẹp và giàu ấn tượng. Nó không chỉ cho thấy vẻ đẹp của một con người sông nước mà còn cho thấy sự "hùng vĩ" của con người trước thiên nhiên.

- Tham khảo:

Hình ảnh dượng Hương Thư "như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào" gợi liên tưởng tới một hiệp sĩ của núi rừng Trường Sơn. Đó không chỉ là vẻ đẹp kì diệu, đó còn là sự ngưỡng mộ, cảm phục, thành kính thiêng liêng

trước vẻ đẹp ấy. Trong thế đối đầu với thiên nhiên hoang dã, vẻ đẹp ấy là biểu hiện rực rỡ của con người trong tư thế ngẩng cao đầu.

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn, *Đọc văn bản Ngữ văn 6*
NXB ĐHSP, 2003

3. Dựa vào bài Vượt thác, hãy viết một đoạn văn từ ba đến năm câu tả dượng Hương Thư đưa thuyền vượt qua thác dữ; trong đoạn văn có sử dụng cả hai kiểu so sánh đã được giới thiệu.

Gợi ý: Tham khảo đoạn văn sau.

Nước từ trên cao phóng xuống định nuốt chửng con thuyền. Nhưng ở phía dưới **dượng Hương Thư nhanh như cắt** vừa thả sào, vừa rút sào nhịp nhàng đều đặn. Con thuyền được giữ thăng bằng vẫn xé ngang dòng nước lao nhanh **Nó chồm lên, sấn tới, hùng dũng hơn cả dòng thác dữ.**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT) RÈN LUYỆN CHÍNH TẢ

## I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Đối với các tỉnh miền Bắc

Chú ý phân biệt và viết đúng các cặp phụ âm đầu:

- tr / ch
- s / x
- r / d / gi
- l / n

2. Đối với các tỉnh miền Trung, miền Nam

a) Viết đúng các cặp phụ âm cuối dễ mắc lỗi:

- c / t
- n / ng

b) Viết đúng tiếng có thanh dễ mắc lỗi, ví dụ: hỏi / ngã

c) Viết đúng một số nguyên âm dễ mắc lỗi:

- i / iê
- o / ô

d) Viết đúng một số phụ âm đầu dễ mắc lỗi, ví dụ: v / d

## II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

1. Nghe - viết.
2. Nhớ - viết.
3. Bài tập phát hiện và chữa lỗi.

# PHƯƠNG PHÁP TẢ CẢNH

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Đọc các văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) *Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.*

(Võ Quảng)

(2) *Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng xông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ, ... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.*

(Đoàn Giỏi)

(3) LUỸ LÀNG

*Luỹ làng là một vành đai phòng thủ kiên cố! Luỹ làng có ba vòng bao quanh làng. Màu xanh là màu của luỹ:*

*Luỹ ngoài cùng, trồng tre gai, thứ tre gốc to, thân to nhưng ngoằn ngoèo không thẳng, cành rậm, đan chéo nhau. Mỗi nhánh tre lại có những gai tre nhọn hoắt, rất cứng, mà những ai bén mảng vào ven luỹ, vô ý giẫm phải, khêu nhổ cũng khá phiền.*

*Luỹ tre ngoài cùng này không đốn, tre đời nọ truyền đời kia. Tre cụ, tre ông, tre bà, tre cha, tre mẹ, tre con, tre cháu, chút chít, chằng chéo bằng ngọn bằng tán, bằng cách ấy khiến con sẻ bay cũng không lọt ... Những gốc tre cứ to bự lên, chuyển thành màu mốc, khép kín vào nhau, thành bức tường thành bằng tre, mà với chiến tranh giáo mác, voi ngựa thủa xưa, muốn đột nhập vào làng chẳng dễ gì!*

A. Mở bài.

- Giới thiệu về người mà mình sẽ tả (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em,...).

B. Thân bài.

- Tả chi tiết chân dung của người đó.

+ Hình dáng

+ Khuôn mặt

+ Nước da

...

- Có thể tả lại người đó trong một hoạt động nào đó mà em thích.

C. Kết bài.

- Em thích nhất đặc điểm gì ở người đó?

- Tình cảm của em với người đó thế nào?

Đề 2: Hãy miêu tả hình ảnh mẹ hoặc cha trong những trường hợp sau:

- Lúc em ốm.

- Khi em mắc lỗi.

- Khi em làm được một việc tốt.

Dàn ý khái quát cho cả ba trường hợp như sau:

A. Mở bài.

- Dẫn dắt người đọc vào tình huống (lúc em ốm, khi em mắc lỗi,...).

- Cảm nhận chung của em về hình ảnh của mẹ hoặc cha lúc ấy.

B. Thân bài.

- Miêu tả lại chân dung của mẹ hoặc cha lúc ấy.

+ Vẻ mặt

+ Dáng điệu

+ Lời nói

+ Hành động

- Tả lại thái độ, cách ứng xử của mẹ hoặc cha lúc ấy (lo lắng, yêu thương, hạnh phúc, vui mừng, giận dữ,...).

C. Kết bài.

- Qua những lần như thế, em cảm nhận đước thêm những điều gì về cha hoặc mẹ.

- Từ đó em suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân.

Đề 3: Hãy tả lại hình ảnh một cụ già đang ngồi câu cá bên hồ.

A. Mở bài.

- Giới thiệu hoàn cảnh gặp gỡ hoặc địa điểm mà em được chứng kiến c già ngồi câu cá.

B. Thân bài.

- Miêu tả lại chân dung của cụ già lúc ngồi câu cá.

+ Khuôn mặt (chú ý đôi mắt, chòm râu,...).

+ Tư thế ngồi.

- Miêu tả lại hành động của ông lão (chú ý đôi tay).

- Phong thái của ông lão lúc ngồi câu gợi ra điều gì? (sự nhàn nhã, than thản hay suy tư, trầm mặc).

- Hình ảnh ông lão gợi cho em ấn tượng gì?

C. Kết bài.

- Hính ảnh ông lão ngồi câu cá có ngợi cho em nhớ về một kỉ niệm nào đ đối với ông nội (hay ông ngoại) của mình không?

- Qua đó, em mong ước điều gì? (được sống cùng ông bà và những ngư thân, để luôn được chăm lo dạy dỗ,...).

Đề 4*: Em đã có dịp xem vô tuyến, phim ảnh, báo chí, sách vở về hình ản một lực sĩ đang cử tạ. Hãy miêu tả lại hình ảnh ấy.

A. Mở bài.

- Giới thiệu cho người đọc biết, em đã được chứng kiến cảnh người lực s đang cử tạ ở đâu? (chứng kiến trực tiếp hay xem trên vô tuyến, trên phim ản báo chí, sách vở,...).

B. Thân bài.

- Miêu tả lại chân dung của người đó khi bước ra sân khấu.

+ Khuôn mặt ra sao?

+ Thân hình như thế nào? (ước chừng về chiều cao, cân nặng,...).

+ Đặc biệt chú ý miêu tả những cơ bắp của người lực sĩ.

- Miêu tả hành động của người lực sĩ khi nâng tạ.

+ Động tác chuẩn bị như thế nào?

+ Lúc nâng tạ, người lực sĩ đã gắng sức ra sao?

+ Lúc thả quả tạ nặng đó xuống mặt đất, người lực sĩ vẫn thể hiện được s dũng mãnh như thế nào?

C. Kết bài.

- Hình ảnh người lực sĩ gợi cho em sự thích thú và thán phục như thế nào?

- Từ đó em rút ra được bài học gì về vai trò của sức khoẻ và quá trình rè

uyện sức khoẻ.

**Đề 5**: Đề 5: Em hãy tả lại một người nào đó tuỳ theo ý thích của bản thân mình.

Tham khảo dàn ý đã nêu ở đề 1.

# CÂY TRE VIỆT NAM

(Thép Mới)

## . VỀ TÁC GIẢ

Thép Mới tên khai sinh là Hà Văn Lộc, quê Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội; loạt động trong phong trào Thanh niên Dân chủ, Sinh viên Cứu quốc, Văn hoá Cứu quốc trước Cách mạng tháng Tám. Nguyên Phó Tổng biên tập, Người Bình uận cấp cao báo Nhân Dân, Tổng biên tập báo Giải phóng, Uỷ viên Ban Tuyên uấn Trung ương Cục miền Nam, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Huân chương Độc lập lạng nhì, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huy chương G. Phu-xích của Hội Nhà báo quốc tế.

Tác phẩm đã xuất bản: *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* (của C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Thép Mới và Sơn Tùng dịch, Lê Văn Lương hiệu đính, 1946); *Trách nhiệm* (1951); *Thời gian ủng hộ chúng ta* (của I.Ê-ren-bua, Thép Mới dịch, 1954); *Thép đã tôi thế đấy* (của Ô-xtrốp-xki, Thép Mới dịch, 1955); *Hữu nghị* 1955); *Hiên ngang Cuba* (1963); *Điện Biên Phủ, một danh từ Việt Nam* 1964); *Trường Sơn hùng tráng* (1969); *Thời dựng Đảng* (1984); *Từ Điện Biên Phủ đến 30-4* (1985); *Năng động Thành phố Hồ Chí Minh* (1990); *Cây tre Việt Nam* (2001).

## I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. a) Đại ý của bài văn: Cây tre Việt Nam nói lên sự gắn bó thân thiết và âu đời của cây tre và con người Việt Nam trong đời sống, sản xuất, chiến đấu. Cây tre có những đức tính quý báu như con người Việt Nam nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm. Cây tre sẽ đồng hành với người Việt Nam đi tới tương lai.

b) Bố cục

Theo bố cục của một văn bản tự sự, bài văn chia làm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

Mở bài: Từ đầu đến "chí khí như người" - Giới thiệu chung về cây tre.

Thân bài: Tiếp theo đến "Tiếng sáo diều tre cao vút mãi": Sự gắn bó của cây tre trong sản xuất, chiến đấu và đời sống của con người Việt Nam.

[...] *Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc đồng quê.*

(Thép Mới)

d)

*Bồ các là bác chim ri*
*Chim ri là dì sáo sậu*
*Sáo sậu là cậu sáo đen*
*Sáo đen là em tu hú*
*Tu hú là chú bồ các.*

(Đồng dao)

đ) *Vua nhớ công ơn phong cho là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.*

(Thánh Gióng)

e)

*Khóc là nhục. Rên, hèn. Van, yếu đuối*
*Và dại khờ là những lũ người câm*
*Trên đường đi như những bóng âm thầm*
*Nhận đau khổ mà gởi vào im lặng.*

(Tố Hữu)

*Gợi ý*: Trừ các câu ở ví dụ (b) và (đ), những câu còn lại đều là câu trần thuật đơn có từ ***là***.

Câu "*Người ta gọi chàng là Sơn Tinh.*" và câu " *Vua nhớ công ơn phong cho là Phù Đổng Thiên Vương và lập đền thờ ngay ở quê nhà.*" không phải là câu trần thuật đơn có từ ***là*** (mặc dù có từ ***là***), vì từ ***là*** không dùng để nối chủ ngữ với vị ngữ. Từ là trong hai câu này dùng để nối giữa động từ trung tâm vị ngữ với phụ ngữ của động từ (gọi - *là* Sơn Tinh; phong cho - *là* Phù Đổng ...).

2. Tìm chủ ngữ, vị ngữ của các câu trần thuật đơn vừa xác định được.

*Gợi ý*:

- a:

*Hoán du* / *là gọi tên ... cho sự diễn đạt.*
C V

- c:

*Tre* / *là cánh tay của người nông dân.*
C V

*Tre* / *còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ.*
C V

- d:

*Bồ các* / *là bác chim ri.*

C V

- e:

*Khóc* / *là nhục.*

C V

*Rên,* / *hèn. Van,* / *yếu đuối.*

C V C V

*dại khờ* / *là những lũ người câm.*

C V

3. Xếp các câu trần thuật đơn trên vào bảng phân loại sau:

| | |
|---|---|
| Câu trần thuật định nghĩa | |
| Câu trần thuật giới thiệu | |
| Câu trần thuật miêu tả | |
| Câu trần thuật đánh giá | |

*Gợi ý*: a, b - định nghĩa; c - giới thiệu, đánh giá; e - đánh giá.

4. Viết một đoạn văn từ 5 đến 10 câu tả một người bạn của em, trong đó c sử dụng câu trần thuật đơn có từ là. Cho biết tác dụng của câu trần thuật đơn m em đã sử dụng.

*Gợi ý*: Xác định rõ chủ đề của đoạn văn ( tả về một người bạn), với đoạ văn miêu tả thì câu trần thuật đơn thường là kiểu câu giới thiệu - miêu tả, đánl giá. Để nêu được tác dụng của câu trần thuật đơn mà mình sử dụng, lưu ý phâı tích mối quan hệ giữa vị ngữ và chủ ngữ, tác dụng của vị ngữ đối với những sı vật, hiện tượng được nói đến ở chủ ngữ.

## TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

Thực hiện các yêu cầu sau đây để tự kiểm tra lại kết quả bài viết của mình:

1. Đọc lại bài viết của em, xem kĩ lời nhận xét của thầy cô giáo; so sánl với bài viết của các bạn khác, nhất là những bài được điểm tốt để rút ra kinl nghiệm cho mình.

2. Bài viết của em có đối tượng miêu tả rõ ràng không? Em tả chân dung hay hoạt động của đối tượng? Các chi tiết, hình ảnh đã tiêu biểu, làm nổi bật được đối tượng cần miêu tả chưa?

3. Em đã chú ý đến trình tự miêu tả chưa?

4. Bài viết đã sử dụng liên tưởng, so sánh để gợi tả đối tượng chưa?

5. Bố cục của bài viết có hợp lí không? Nội dung của từng phần đã liên kết chặt chẽ với nhau chưa?

# ÔN TẬP TRUYỆN VÀ KÍ

1. Lập bảng thống kê các tác phẩm truyện và kí hiện đại đã học.

| STT | Tên tác phẩm (hoặc đoạn trích) | Tác giả | Thể loại | Tóm tắt nội dung (đại ý) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bài học đường đời đầu tiên | Tô Hoài | Truyện ngắn | Tính tình xốc nổi và bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn |
| 2 | Sông nước Cà Mau | Đoàn Giỏi | Truyện ngắn | Vẻ đẹp hùng vĩ đầy sức sống hoang dã của vùng sông nước Cà Mau. |
| 3 | Bức tranh của em gái tôi | Tạ Duy Anh | Truyện ngắn | Ngợi ca tình cảm hồn nhiên trong sáng và lòng nhân hậu của anh em bé Kiều Phương. |
| 4 | Vượt thác | Võ Quảng | Truyện ngắn | Thể hiện vẻ đẹp hùng dũng và sức mạnh của con người trong lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ. |
| 5 | Buổi học cuối cùng | A. Đô-đê | Truyện ngắn | Ngợi ca vẻ đẹp của lòng yêu nước (thông qua tình yêu đối với tiếng nói dân tộc). |
| 6 | Cô Tô | Nguyễn Tuân | Kí | Cảnh thiên nhiên trong sáng tươi đẹp và sinh hoạt nhộn nhịp của con người trên đảo Cô Tô. |
| 7 | Cây tre Việt Nam | Thép Mới | Kí | Xây dựng hình tượng cây tre như là một biểu tượng cho những phẩm chất quý báu của con người và dân tộc Việt Nam. |

Đơn 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ HỌC

Kính gửi: Cô giáo chủ nhiệm lớp 6C, Trường THCS Trần Phú.

Tên em là: Lê Văn X, học sinh lớp 6C

Hôm qua đi lao động cùng các bạn, trên đường về nhà em gặp mưa và bị cảm lạnh, người sốt cao, bố mẹ đã đưa em vào bệnh viện. Hiện tại em vẫn bị sốt li bì, đầu đau nhức, không thể ngồi dậy được, vì vậy em không đến trường được. Em viết đơn này xin cô cho em nghỉ học, khi nào khỏi em sẽ tiếp tục đi học.

Em xin cảm ơn cô.

*Thị xã H., ngày... tháng ... năm...*

Học sinh

(kí tên)

Lê Văn X.

1. Các đơn trên có đúng quy cách không? Vì sao?

*Gợi ý*:

- Đơn 1: Kiểm tra lại các nội dung sau:

+ Quốc hiệu;

+ Mục nêu tên người viết đơn;

+ Nơi viết đơn, ngày tháng viết đơn, chữ kí của người viết đơn.

- Đơn 2: Kiểm tra lại các nội dung:

+ Viết *tên em là* hay phải viết *em tên là*?

+ Lí do viết đơn đã chính đáng chưa?

+ Nơi viết đơn, ngày tháng viết đơn, kí tên.

- Đơn 3:

+ Phải viết *em tên là*, không viết *tên em là*;

+ Ngoài việc đảm bảo những quy tắc về hình thức, cần chú ý đảm bảo sự hợp lí về nội dung. Đã "*sốt li bì, đầu đau nhức, không thể ngồi dậy được*" thì không thể "*em viết đơn này*" được. Trong trường hợp này, đơn phải do phụ huynh hoặc người thân học sinh viết và xin phép thay cho học sinh.

2. Chữa lại lỗi của từng đơn.

*Gợi ý*: Dựa vào những gợi ý trên để sửa lại (sau khi đã phát hiện ra lỗi của từng đơn).

*Thầy bói xem voi*,...), truyện cười (*Treo biển*, *Lợn cưới, áo mới*,...), truyện trung đại (*Con hổ có nghĩa*, *Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng*,...), truyện ngắn (*Bức tranh của em gái tôi*),....

+ Miêu tả (kết hợp với tự sự): *Bài học đường đời đầu tiên*, *Vượt thác*, *Mưa*,...

+ Biểu cảm: *Đêm nay Bác không ngủ*, *Lượm*,...

- Chú ý một số văn bản có sử dụng kết hợp nhiều phương thức biểu đạt: *Cây tre Việt Nam*, *Bài học đường đời đầu tiên*, *Đêm nay Bác không ngủ*,...

2. Trong chương trình Ngữ văn 6, em đã được tập làm các loại văn bản theo những phương thức nào trong số các phương thức sau:

- Tự sự
- Miêu tả
- Biểu cảm
- Nghị luận

*Gợi ý*: Biểu cảm, nghị luận là hai kiểu bài chưa được tập làm ở chương trình Ngữ văn 6.

3. Xem xét bảng sau và cho biết văn bản tự sự, miêu tả khác với đơn từ ở những điểm nào?

| Loại văn bản | Mục đích | Nội dung | Hình thức |
|---|---|---|---|
| Tự sự | thông báo, giải thích, nhận thức | nhân vật, sự việc, thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả | văn xuôi, thơ, tự do |
| Miêu tả | để hình dung, cảm nhận | tính chất, thuộc tính, trạng thái sự vật, cảnh vật, con người | văn xuôi, thơ, tự do |
| Đơn từ | đề nghị, yêu cầu | lí do, yêu cầu | theo mẫu hoặc không theo mẫu, đúng quy cách |

4. Từng phần trong bố cục của bài văn tự sự hay miêu tả thể hiện những nội dung gì? Cách thể hiện ra sao? Hãy điền những nội dung cần thiết vào bảng sau:

| Các phần | Tự sự | Miêu tả |
|---|---|---|
| Mở bài | | |
| Thân bài | | |
| Kết bài | | |

*Gợi ý*: Nhớ lại cách làm một bài văn tự sự, miêu tả. So sánh cách viết từng phần của mỗi kiểu bài. Ví dụ:

| Phần | Tự sự | Miêu tả |
|---|---|---|
| Mở bài | giới thiệu nhân vật, tình huống, sự việc | giới thiệu đối tượng miêu tả (cảnh hoặc người) |

5. Trong văn tự sự, sự việc - nhân vật - chủ đề quan hệ với nhau như thế nào? Cho ví dụ.

*Gợi ý*: Xem lại bài *Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự*. Chú ý: sự việc, nhân vật,... phải tập trung làm nổi bật được chủ đề của bài văn; chủ đề được thể hiện thông qua hệ thống các nhân vật, sự việc. Ví dụ: chủ đề phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ người ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết của mình, không chủ quan, kiêu ngạo của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* được thể hiện qua nhân vật chú ếch và sự việc ếch ở đáy giếng, ếch ra ngoài, ếch bị trâu dẫm bẹp.

6. Vai trò của nhân vật trong văn tự sự là gì? Cho ví dụ.

*Gợi ý*: Nhân vật trong văn tự sự được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm,... Có thể thấy đặc điểm này rõ nhất trong các truyện kể dân gian.

7. Trong văn tự sự, thứ tự kể và ngôi kể có tác dụng gì? Cho ví dụ.

Gợi ý:

- Trong văn tự sự, các sự việc có thể được kể theo thứ tự trước - sau một cách tự nhiên (các truyện kể dân gian thường kể theo thứ tự này). Nhưng để tạo bất ngờ, gây hứng thú, thể hiện tình cảm của nhân vật,... người ta có thể linh hoạt thay đổi thứ tự kể bằng cách kể đảo ngược, kết quả kể trước, diễn biến kể sau hoặc kể bổ sung các sự việc theo dòng hồi nhớ của nhân vật (các truyện kể hiện đại thường kể theo thứ tự này).

- Ngôi kể cũng có một vai trò quan trọng trong văn tự sự. Có khi người kể giấu mình đi, gọi nhân vật bằng tên gọi của chúng, kể theo ngôi thứ ba; khi đó, người kể có thể linh hoạt, tự do kể lại những gì diễn ra đối với nhân vật; ví dụ: Các truyện kể dân gian, *Vượt thác*,... Có khi, người kể tự xưng là "tôi" để kể theo ngôi thứ nhất; khi đó, người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, mình thấy, hoặc chính mình trải qua, có thể trực tiếp nói ra cảm tưởng, suy nghĩ của mình; ví dụ: *Bài học đường đời đầu tiên*, *Bức tranh của em gái tôi*, *Buổi học cuối cùng*,...

8. Quan sát có vai trò như thế nào trong văn miêu tả? Cho ví dụ.

*Gợi ý*:

*Quả là muốn viết được, nhất thiết phải biết lối quan sát để ấn sâu thêm trí*

*nhớ, giúp sức thêm cho trí tưởng tượng... Muốn viết được, thứ nhất phải do có trải, có biết sự thật kĩ lưỡng, do thấy cảm hứng và lòng hăm hở mới có chỗ bấu víu chắc chắn được.*[...]

*Cái cách, cái lối quan sát không có gì đặc biệt và bí ẩn. Đó chỉ là thói quen mài giũa cái nhìn, cái nghe, cái nghĩ, đó là công việc bắt sức óc phải chăm chú tìm tòi, đổi mới lọc lõi đến tận chi tiết cho phong phú.*

*Quan sát giỏi là phải thấy những nét chính, thấy những đặc điểm riêng, móc ra được những ngóc ngách của sự vật, vấn đề. Nhiều khi chẳng cần ghi dàn đủ việc, chỉ chép lại những đặc sắc mà mình cảm nhất, như một câu nói lột tả tính nết, những dáng người và hình bóng, tiếng động, ánh đèn, nét mặt, một trạng thái tư tưởng do mình đã khổ công ngắm, nghe, nghĩ mới bật lên thì trong bụng mình thích thú, hào hứng, không ghi không chịu được...*

[...] *từ chỗ tìm bới trong la liệt hiện tượng quanh mình mà phát hiện ra bản chất và quy luật hiện tượng chính, tránh lối phỏng đoán sai lầm, công thức, đơn giản và loá mắt không tách bạch được đâu là chủ yếu, thứ yếu.*

( Theo Tô Hoài, *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, NXB GD, 2000)

9. Có những cách miêu tả nào?

*Gợi ý*: Tuỳ theo từng đối tượng miêu tả mà có thể có những cách miêu tả khác nhau, nhưng nhìn chung, làm một bài văn miêu tả cần chú ý một số điểm chung sau:

- Xác định được đối tượng miêu tả (tả cảnh hay tả người);

- Lựa chọn được những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu để khắc hoạ đối tượng miêu tả;

- Miêu tả đối tượng theo một trình tự nhất định nào đó; có thể tả từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể, từ chi tiết, bộ phận đến toàn thể hoặc ngược lại;

- Biết sử dụng những hình ảnh liên tưởng, so sánh để gợi tả đối tượng;

- Sắp xếp nội dung miêu tả theo bố cục ba phần của một bài văn hoàn chỉnh.

## II. RÈN LUYỆN KĨ NĂNG

1. Trong vai anh đội viên, hãy kể lại câu chuyện cảm động trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ.

*Gợi ý*: Để làm đề văn này, cần chú ý một số điểm như sau:

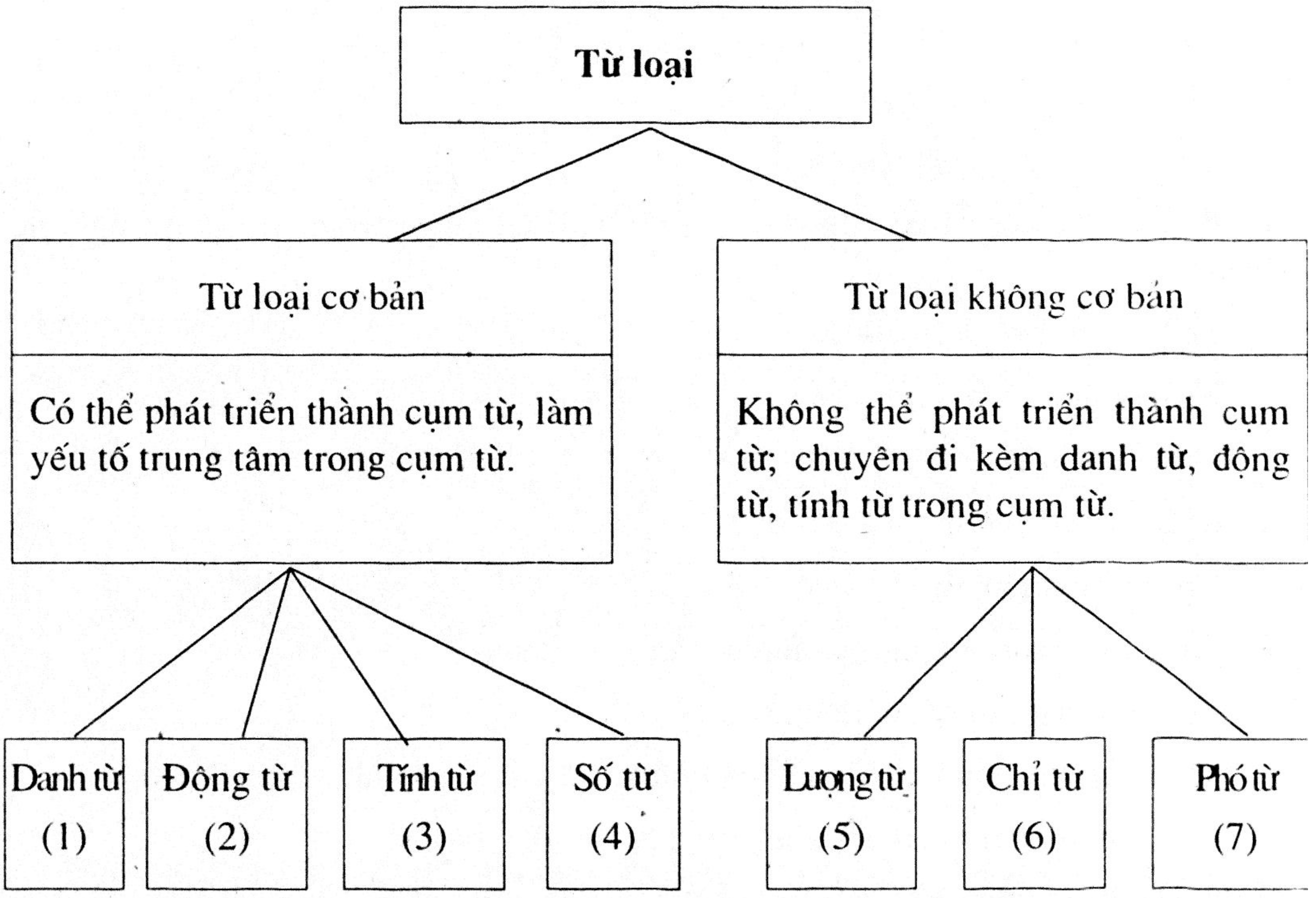
- Kiểu bài: đây là bài văn kể chuyện;

- Lập dàn ý:

+ Nhân vật: Bác Hồ và anh đội viên (người kể chuyện, có thể xưng tôi);

+ Câu chuyện: Trên đường đi chiến dịch, vào một đêm khuya trời mưa và lạnh, ở một mái lều tranh, ba lần anh đội viên thức dậy vẫn thấy Bác chưa

## 1. Các từ loại đã học




*Chú ý:* Các từ loại 1, 2, 3, 4, 5, 6 đã được học ở học kì 1. Ở đây chỉ nói thêm về từ loại 7: Phó từ.

- *Phó từ* là những từ chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

- Phó từ gồm 2 loại lớn:

+ *Phó từ đứng trước động từ, tính từ:* có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa về thời gian (*đã, đang, sẽ...*), về mức độ (*rất, hơi, khí...*), về sự tiếp diễn, tương tự (*cũng, vẫn, cứ, còn...*), sự phủ định (*không, chưa, chẳng*), sự cầu khiến (*hãy, đừng, chớ...*) cho động từ, tính từ trung tâm.

+ *Phó từ đứng sau động từ, tính từ:* có tác dụng bổ sung một số ý nghĩa về mức độ (*quá, lắm...*), về khả năng (*được, ...*), về hướng (*ra, vào, đi...*).

## 2. Các phép tu từ đã học

**Các phép tu từ về từ**

| So sánh | Nhân hoá | Ẩn dụ | Hoán dụ |
|---|---|---|---|
| Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác *có nét tương đồng* để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật... *bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người;* làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật... trở nên gần gũi với con người. | Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác *có nét tương đồng* với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. | Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác *có quan hệ gần gũi* với nó, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |

**3. Các kiểu cấu tạo câu đã học**

**Các kiểu cấu tạo câu**

| Câu đơn | Câu ghép |
|---|---|
| Là loại câu do một cụm C - V tạo thành. | Là loại câu do 2 cụm C - V trở lên tạo thành. |

| Câu trần thuật đơn | Câu trần thuật ghép |
|---|---|
| Là loại câu do một cụm C - V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến. | Là loại câu do 2 cụm C - V trở lên tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến. |

| Câu trần thuật đơn có từ *là* | Câu trần thuật đơn không có từ *là* |
|---|---|
| Là kiểu câu trong đó vị ngữ thường do từ *là* kết hợp với danh từ (cụm danh từ) tạo thành. | Là kiểu câu trong đó vị ngữ thường do động từ (hoặc cụm động từ), tính từ (hoặc cụm tính từ) tạo thành. |

**4. Các dấu câu đã học**

**Dấu câu trong tiếng Việt**

- Dấu kết thúc câu (đặt ở cuối câu)
- Dấu phân cách các bộ phận câu (Đặt trong nội bộ câu)

| Dấu chấm | Dấu chấm hỏi | Dấu chấm than | Dấu phẩy |
|---|---|---|---|
| Là dấu kết thúc câu, được đặt ở cuối câu trần thuật (đôi khi được đặt ở cuối câu cầu khiến. | Là dấu kết thúc câu, được đặt ở cuối câu nghi vấn. | Là dấu kết thúc câu, được đặt ở cuối câu cầu khiến hoặc câu cảm thán. | Là dấu dùng để phân cách các bộ phận câu, được đặt trong nội bộ câu. |

# MỤC LỤC